

TRAO ĐỔI

MẤY NHẬN XÉT VỀ TÊN GỌI CÁC HỌ THỰC VẬT Ở VIỆT NAM

Trần Văn Chánh*

Để tiện cho việc khảo sát, phân tích, từ đó nêu lên một số nhận xét và đề nghị về hệ thống tên gọi các họ thực vật ở Việt Nam, thiết tưởng không gì bằng thiết lập một bảng kê-đối chiếu tên gọi Latinh-Việt những họ thực vật hữu quan, căn cứ theo một số tác giả tiêu biểu.

Tại Việt Nam, ngành thực vật học mà trước hết là việc điều tra, ghi nhận, phân loại, đặt tên cho các loài cây cỏ đã được chú ý từ thời Pháp thuộc với một số công trình tiêu biểu mà nhà thực vật học Việt Nam nào cũng sử dụng làm công cụ tham khảo, như *Flore générale de l'Indochine* (Tome I-VII, 1907-1937) của nhóm Henri Lecomte, *Supplément à la Flore générale de l'Indochine* (Tome I (1-9), 1938-1950) của Henri Humbert...

Trong điều kiện đất nước còn phân ly thành hai miền Nam-Bắc, việc điều tra, nghiên cứu, phân loại thực vật đã thực sự nở rộ là vào khoảng những năm 50-60 của thế kỷ trước, với một số tác giả tiêu biểu ở miền Bắc như Lê Khả Kế, Vũ Văn Chuyên, Đỗ Tất Lợi, Võ Văn Chi, Trần Hợp..., và ở miền Nam như Phạm Hoàng Hộ, Nguyễn Văn Dương... Việc nghiên cứu ngoài khảo sát thực địa, chủ yếu đều dựa vào những công trình trước kia do người Pháp để lại, mà người Pháp chỉ ghi tên các họ thực vật theo tiếng Latinh hoặc tiếng Pháp chứ không ghi tiếng Việt, nên mỗi nhà thực vật học Việt Nam về sau phải tìm cách Việt hóa tên gọi các họ, chi, loài theo cách riêng của mình. Đây có thể coi là một nỗ lực quan trọng rất đáng ghi nhận trong quá trình làm giàu kho thuật ngữ sinh học tiếng Việt, nhưng do mỗi bên ở mỗi miền chưa có sự phối hợp làm việc, nên tên gọi các họ, chi (giống), loài thực vật của nhóm tác giả miền Nam so với nhóm tác giả miền Bắc cũng có nhiều điểm dị biệt. Có thể nói, từ sau năm 1975, trong điều kiện đất nước thống nhất, hai bên đã có sự tham khảo bổ sung lẫn nhau, nhờ đó tên gọi thực vật theo hướng Việt hóa có phần khả quan hơn cùng với sự đầy đủ và ngày càng hợp lý hơn nhưng nhìn chung sự thiếu thống nhất trong tên gọi các họ thực vật tiếng Việt giữa một số tác giả, nhóm tác giả thể hiện qua các công trình tập hợp, nghiên cứu của họ là vẫn còn khá nhiều.

Trong những năm 60-70 của thế kỷ trước, một vài công trình mang tính tổng hợp có giá trị khoa học cao đã được ra đời, đáng kể nhất ở miền Bắc có *Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam* (Tập I-VI, Hà Nội, 1969-1976) của nhóm Võ Văn Chi-Vũ Văn Chuyên-Phan Nguyên Hồng-Lê Khả Kế (chủ biên)-Đỗ Tất Lợi-Thái Văn Trùng, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* của Đỗ Tất Lợi (Tập 1-6, Hà Nội, 1962-1965; hiện đã in đến lần thứ 15), và

* Thành phố Hồ Chí Minh.

ở miền Nam, *Cây cỏ miền Nam Việt Nam* của Phạm Hoàng Hộ (Quyển 1-2, Sài Gòn, 1970-1972). Quyển này về sau được tác giả Phạm Hoàng Hộ phát triển thành *Cây cỏ Việt Nam* (Tome I-III, Canada, 1991-1992; Quyển 1-3, Nxb Trẻ TP HCM, 2000) giới thiệu gần 12.000 loài thực vật được ghi nhận có mặt tại Việt Nam. Vài năm gần đây, trên cơ sở phát huy những thành tựu của quá khứ, đã xuất hiện một số công trình mang tính chất tổng hợp cao hơn, dưới hình thức các bảng danh lục hoặc từ điển, đặc biệt có thể kể *Danh lục các loài thực vật Việt Nam* của nhóm Nguyễn Tiến Bân-Nguyễn Khắc Khôi-Vũ Xuân Phương (Tập I-III, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2003-2005), *Từ điển thực vật thông dụng* (Tập 1-2, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2003-2004) và *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam* (Nxb Giáo dục, 2007) cùng của Võ Văn Chi. Ngoài ra, có lẽ cũng nên kể thêm hai bảng danh lục chuyên đề trước đó về cây rừng, có cùng nhan đề *Tên cây rừng Việt Nam*, một của nhóm Nguyễn Tích-Trần Hợp (Nxb Nông thôn, Hà Nội, 1971) và một của nhóm Nguyễn Tiến Bân-Vũ Văn Cần-Vũ Văn Dũng-Nguyễn Khắc Khôi (Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2000).

Riêng quyển *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam* của GS Võ Văn Chi xuất bản gần đây nhất (2007) có thể được xem là một công trình tập đại thành về tên gọi thực vật ở Việt Nam, đã được biên soạn cẩn thận và in ấn kỹ lưỡng, trên cơ sở tham bác rộng rãi các tài liệu đã có của cả hai miền Nam, Bắc, đồng thời còn có sự cân nhắc điều chỉnh để hợp lý hóa các tên gọi bộ, họ, chi (giống), loài các loài cây cỏ, nên chúng ta có thể coi đây là một căn cứ quan trọng để làm một cuộc đối chiếu-so sánh-phân tích những chỗ dị biệt trong tên gọi các họ thực vật, chủ yếu giữa nhóm tác giả miền Nam (tiêu biểu là GS Phạm Hoàng Hộ) và nhóm tác giả miền Bắc (Lê Khả Kế, Vũ Văn Chuyên, Võ Văn Chi, Đỗ Tất Lợi, Trần Hợp...), trong đó cách gọi của nhóm tác giả miền Bắc chiếm ưu thế, hầu hết đã được phản ánh đầy đủ trong các công trình phân loại học thực vật (như của Trần Hợp, của Hoàng Thị Sẩn...), sách *Tóm tắt đặc điểm các họ cây thuốc* của Vũ Văn Chuyên (Nxb Y học, Hà Nội, 1976), *Địa lý các họ cây Việt Nam* (Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1987) của nhóm Vũ Văn Chuyên, Lê Trần Chấn, Trần Hợp, *Sách Đỏ Việt Nam* (phần Thực vật), và các sách giáo khoa thuộc bộ môn sinh học dành cho các cấp trung học cơ sở và phổ thông hiện hành.

Điều có lẽ cần nói thêm là một số thuật ngữ do GS Phạm Hoàng Hộ chế định (trong *Cây cỏ Việt Nam*, *Cây có vị thuốc ở Việt Nam*...) tuy không còn được dùng trong các sách giáo khoa, nhưng công trình của tác giả này hiện vẫn đang lưu hành rộng rãi cả trong lẫn ngoài nước, vẫn được nhiều nhà khoa học Việt Nam và nước ngoài trân trọng, vận dụng tham khảo.

Khi gọi nhóm tác giả miền Nam và miền Bắc, chúng tôi hoàn toàn không có ý phân biệt địa phương trong một đất nước thống nhất, nhưng thiết nghĩ vì đó là cách làm tốt nhất, để trên cơ sở đó có thể tìm kiếm một giải pháp chiết trung và hợp lý hơn cho vấn đề xác định lại tên các họ thực vật trong tương lai, nếu có thể và nếu cần. Ngoài ra, có lẽ chúng ta cũng không nên quên vai công trình mặc dù khiêm tốn nhưng có tính chất tiên phong, đặt nền tảng cho hệ thống thuật ngữ sinh học tiếng Việt, đó là quyển *Danh từ thực vật*

của Nguyễn Hữu Quán-Lê Văn Căn, và quyển *Danh từ khoa học-Vạn vật học* (Sinh, Sinh lý, Động vật, Thực vật, Địa chất...) (Nxb Minh Tân, Paris, 1950) của Đào Văn Tiến. Một số không ít thuật ngữ tiếng Việt trong hai sách vừa kể đã chịu ảnh hưởng nặng nề của tiếng Hán mà ngày nay một phần đã bị đào thải, nhưng trong bảng đối chiếu dưới đây, chúng tôi cũng dành cho một cột để rộng đường tham khảo-so sánh, đồng thời cũng để thấy được quá trình tiến hóa của kho thuật ngữ thực vật học tiếng Việt. Các tên chữ Hán trong bảng chủ yếu được ghi lại theo sách *Lập Hán Anh chủng tử thực vật danh xưng* của Khoa học xuất bản xã Trung Quốc, (Bắc Kinh, 2006) để làm căn cứ giải thích từ nguyên của một số thuật ngữ tiếng Việt đang tồn tại hoặc đã bị đào thải, và cũng để cung cấp cho các sinh viên và giáo viên sinh học một bảng đối chiếu tiện dùng để tham khảo, tra cứu. Lưu ý: Trong bảng, những từ gốc Hán được đánh dấu +, từ phiên âm đánh dấu *, từ giống nhau được in đậm. Tên một số họ thực vật ở cột (3) được viết liền hoặc có dấu gạch ngang theo đúng cách ghi của tác giả Phạm Hoàng Hộ.

BẢNG ĐỐI CHIẾU LATINH-VIỆT TÊN CÁC HỌ THỰC VẬT

Tên họ	Võ Văn Chi (VVC)	Phạm Hoàng Hộ (PHH)	Đào Văn Tiến (ĐVT)	Tên Trung Quốc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Acanthaceae	Ô rô	Ô rô	Tước sàng ⁺	爵床
Aceraceae	Thích ⁺	Phong/Thích thụ ⁺		槭樹
Acoraceae	Xương bồ ⁺	(Không có)		
Actinidiaceae	Dương đào	Dương đào		獼猴桃
Adiantaceae	Tóc thần	Nguyệt xỉ		
Agavaceae	Thùa	Agao		
Aizoaceae	Sam biển	Rau đắng đất		番杏
Alangiaceae	Thôi chanh	Quăng		八角楓
Alismataceae	Trạch tả ⁺	Từ cô		澤瀉
Alliaceae	Hành	(Không có)		
Aloaceae	Lô hội	(Không có)		
Altingiaceae	Sau sau	(Không có)		
Amaranthaceae	Rau dền	Dền		莧
Amaryllidaceae	Thủy tiên	Lan-huệ		石蒜
Amentotaxaceae	(Không có)	Dẻ tùng		
Anacardiaceae	Đào lộn hột	Xoài	Tất thụ ⁺	漆樹
Ancistrocladaceae	Trung quân	Trung quân		鉤枝藤
Angiopteridaceae	(Không có)	(Không dịch)		
Anisophylleaceae	Bất đẳng diệp	Bất đẳng diệp		
Annonaceae	Na	Mãng cầu		番荔枝
Anthericaceae	Lan thủy tiên	(Không có)		
Apiaceae	Hoa tán	Ngò		傘形
Apocynaceae	Trúc đào	Trước đào	Hiệp đào	
Aponogetonaceae	Choi	Choi		水薺
Aquifoliaceae	Nhựa ruồi/ Bùi	Bùi		冬青
Araceae	Ráy	Môn		天南星
Araliaceae	Nhân sâm	Đinh lăng		五加
Aralidiaceae	Châu	(Không dịch)		
Araucariaceae	Bách tán	(Không có)		南洋杉
Arecaceae	Cau	Dừa		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Aristolochiaceae	Nam mộc hương	Phòng kỷ	Mã linh	馬兜鈴
Asclepiadaceae	Thiên lý	Thiên lý		羅磨
Asparagaceae	Thiên môn đông	(Không có)	Cúc khuẩn	
Aspidiaceae	Áo khiên	(Không có)		
Aspleniaceae	Tổ diều	Canxỉ		
Asteliaceae	Huyết dụ	(Không có)		
Asteraceae	Cúc	Cúc		菊
Aucubaceae	Giác mộc	(Không có)		
Azollaceae	Bèo hoa dâu	Bèo dâu		
Balanitaceae	Lá đôi	(Không có)		
Balanophoraceae	Dó đất	Dương đài		蛇菰
Balsaminaceae	Bóng nước	Móc-tai		鳳仙花
Barclayaceae	Biệt liên	Biệt liên		
Basellaceae	Mồng tơi	Mồng tơi		落葵
Begoniaceae	Thu hải đường⁺	Thu hải đường⁺		秋海棠
Berberidaceae	Hoàng liên gai	Mã ô		小檗
Betulaceae	Cánh lò	Duyên mộc	Mộc	樺木
Bignoniaceae	Núc nác	Quao	Tử uy ⁺	紫葳
Bixaceae	Điều nhuộm	Siêmphụng	Hồng mộc ⁺	紅木
Blechnaceae	Guột rạn	Ráng-dừa		
Bombacaceae	Gạo	Gònta	Mộc miên ⁺	木棉
Bonnetiaceae	Chúng nôm	(Không có)		
Boraginaceae	Vòi voi	Vòi voi		紫草
Brassicaceae	Cải	Thập tự ⁺	Cải	十字花
Bretschneideraceae	Chuông đài	Rết-nây*		伯樂樹/鐘萼木
Bromeliaceae	Dứa	Khóm		鳳梨
Buddlejaceae	Bọ chó	Búp lẹ*		
Burmanniaceae	Cào cào	Cào cào		水玉簪
Burseraceae	Trám	Trám		橄欖
Buxaceae	Hoàng dương ⁺	Càma	Hoàng dương ⁺	黃楊
Cabombaceae	Rong lá ngò	Tiêm liên		
Cactaceae	Xương rồng	Long cốt		仙人掌
Callitrichaceae	Ngổ trâu	Diễm mao		水馬齒
Calycanthaceae	Lạp mai ⁺	(Không có)		蜡梅
Campanulaceae	Hoa chuông	Hoa chuông		桔梗
Cannabaceae	Gai mèo	Cần xa	Đại ma ⁺	
Cannaceae	Chuối hoa	Ngải hoa		美人蕉
Capparaceae	Màn màn	Cáp*		
Caprifoliaceae	Kim ngân	Kim ngân	Nhẫn đông ⁺	忍冬
Cardiopteridaceae	Mướp rừng	Tì dục		
Caricaceae	Đu đủ	Đu đủ		番木瓜
Carlemanniaceae	Cát man*	Cật man*		
Caryophyllaceae	Cẩm chướng	Cẩm nhung	Thạch trúc ⁺	石竹
Casuarinaceae	Phi lao	Phi lao		木麻黃
Cecropiaceae	Rum	(Không có)		
Celastraceae	Dây gối	Chândanh		衛矛
Centrolepidaceae	Trung lân	Trung lân		刺鱗草
Cephalotaxaceae	Đỉnh tùng	Đỉnh tùng		粗榧
Ceratophyllaceae	Rong đuôi chó	Kim ngư ⁺		金魚藻
Cheiropleuriaceae	Cánh dơi	Ráng Thần trắc		
Chenopodiaceae	Rau muối	Kinh giới		藜
Chloranthaceae	Hoa sói	Sói	Kim túc lan ⁺	金粟蘭
Chrysobalanaceae	Cám	(Không có)		
Clethraceae	Sơn liễu	Liệt tra*		檟葉樹/山柳

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Clusiaceae	Măng cụt	(Không có)		
Cochlospermaceae	Ốc tử	Ốc tử		
Combretaceae	Bàng	Chưnbầu	Sử quân+	使君子
Commelinaceae	Thài lài	Rau-trai		鴨跖草
Connaraceae	Dây khế	Lốpbốp		牛栓藤
Convallariaceae	Hoàng tinh	(Không có)		
Convolvulaceae	Khoai lang	Bìm bìm		旋花
Cornaceae	Thù du+	Giác mộc		山茱萸
Costaceae	Mía dò	Mía dò		
Crassulaceae	Thuốc bỏng	Trường sanh		景天
Crypteroniaceae	Tim bầu	Lôi		隱翼
Cucurbitaceae	Bầu bí	Bầu bí		葫蘆
Cupressaceae	Hoàng đàn	Tùng		柏
Cuscutaceae	Tơ hồng	Tơ hồng		
Cyatheaceae	Dương xỉ mọc	Ráng Tiểntọa		
Cycadaceae	Tuế	Thiên tuế		蘇鐵
Cymodoceaceae	Hải kiều	Hải kiều		
Cyperaceae	Cói	Lác		莎草
Daphniphyllaceae	Vai	Đứcdiệp		虎皮楠
Datisceae	Thung	Tung		四數木
Davidiaceae	Vẩy lợp	Ráng Đàhoa*		
Davidiaceae	Hoa lệch	(Không có)		
Dennstaedtiaceae	Áo cóc	Đàngtiết*		
Diapensiaceae	Khô đài	(Không có)		岩梅
Dichapetalaceae	A tràng	A-tràng		毒鼠子
Dicksoniaceae	Cầu tích	(Không có)		
Dilleniaceae	Sổ	Sổ		五檮果/錫葉藤
Dioscoreaceae	Củ nâu	Khoai ngọt		薯蕷
Dipentodontaceae	Đipentô*	(Không có)		
Dipsacaceae	Tục đoạn+	Tụcđoạn+		川續斷
Dipteridaceae	Song phiến	Song dục		
Dipterocarpaceae	Sao dầu	Dầu		龍腦香
Dracaenaceae	Bống bống	(Không có)		
Droseraceae	Gọng vó	Trường lệ		茅膏菜
Dryopteridaceae	(Không có)	Mộc xỉ		
Ebenaceae	Thị+	Hồng		柿
Elaeagnaceae	Nhót	Nhót		胡頹子
Elaeocarpaceae	Côm	Côm		杜英
Elatinaceae	Ruộng cây	Đàn thảo		溝繁縷
Epacridaceae	Mã kỳ	Mã kỳ		
Ephedraceae	Ma hoàng	(Không có)		麻黃
Equisetaceae	Cỏ thắp bút	Mộc tặc		
Ericaceae	Đỗ quyên+	Đỗ quyên+	Thạch nam	杜鵑
Eriocaulaceae	Cỏ dùi trống	Dùi trống	Sắc (sic) tinh thảo+	穀精草
Erythroxylaceae	Cô ca	Cô ca		古柯
Escalloniaceae	Đa hương	(Không có)		
Eucommiaceae	Đỗ trọng+	Đỗ trọng+		杜仲
Euphorbiaceae	Thấu dầu	Đạiích/Thấudầu		大戟
Fabaceae	Đậu	Đậu		豆
Fagaceae	Dẻ	Dẻ		殼斗/山毛櫸
Flacourtiaceae	Bồ quân	Hồng quân		大風子
Flagellariaceae	Mây nước	Mây nước		鬚葉藤
Fumariaceae	Cải cần	Cựa-ri		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Gentianaceae	Long đởm⁺	Long đởm⁺		龍膽
Geraniaceae	Mỏ hạc	Mỏ hạc		牻牛兒苗
Gesneriaceae	Rau tai voi	Thượng tiển	Khổ cự đài ⁺	苦苣苔
Gleicheniaceae	Guột	Ráng Tây sơn		
Gnetaceae	Dây gắm	Gắm		買麻藤
Goodeniaceae	Hếp	Hếp	Sơn dương thảo	草海桐
Gramineae (Poaceae)	Lúa	Hòa bản ⁺		禾本
Grammitidaceae	(Không có)	Ráng Lâm bài		
Guttiferaeae	(Không có)	Bứa		金絲桃/山竹子
Haloragaceae	Rong xương cá	Đuôi chó		
Hamamelidaceae	Kim mai	Kim mai		金縷梅
Hanguanaceae	Thuốc giun	(Không có)		
Heliconiaceae	Mỏ két	(Không có)		
Helwingiaceae	Thanh giáp	(Không có)		
Hemerocallidaceae	Hoa hiên	(Không có)		
Hemodoraceae	(Không có)	Xà thảo		
Hernandiaceae	Lưỡi chó	Liền đàng		蓮葉桐
Hippocastanaceae	Kện	Kện/Mã đề		七葉樹
Hostaceae	Ngọc trâm	(Không có)		
Hugoniaceae	Hiệp nữ	(Không có)		
Hyacinthaceae	Hành biển	(Không có)		
Hydrangeaceae	Tú cầu	(Không có)		
Hydrocharitaceae	Lá sắn	Thủy thảo		水荳
Hydrophyllaceae	Lá nước	Thủy lệ		田基麻
Hymenophyllaceae	Lá màng	(Không dịch)		
Hypoxidaceae	Tỏi voi lùn	(Không có)		
Icaciniaceae	Mộc thông ta	Thụ đào		茶葉莢
Illiciaceae	Hồi	Đại hồi		
Iridaceae	La dơn	Lưỡi đồng		鳶尾
Irvingiaceae	Cây	(Không có)		
Isoetaceae	Thủy cửu	Thủy phỉ		
Iteaceae	Thủ thích	(Không có)		
Ixonanthaceae	Hà nu	Xang		
Juglandaceae	Hồ đào⁺	Hồ đào⁺		胡桃
Juncaceae	Bấc	Hến		燈心草
Lamiaceae	Hoa môi	Húng		唇形
Lardizabalaceae	Mộc thông ⁺	Lạc di [*]		木通
Lauraceae	Long não	Quế	Chương ⁺	樟
Lecythidaceae	Lộc vừng	Chiếc	Ngọc nhị ⁺	玉蕊
Leeaceae	Gối hạc	Củ rổi/Gối hạc		
Lemnaceae	Bèo tấm	Bèo cá		浮萍
Lentibulariaceae	Rong ly	(Không có)		狸藻
Liliaceae	Loa kèn trắng	Bạch huệ		百合
Limnocharitaceae	Nê thảo	Nê thảo		
Linaceae	Lanh [*]	Lin [*]	Á ma ⁺	亞麻
Lindsaeaceae	Quạt xòe	(Không có)		
Lobeliaceae	Bã thuốc	(Không có)		
Lomariopsidaceae	(Không có)	Sứ xỉ		
Loganiaceae	Mã tiền⁺	Mã tiền⁺	Mã tiền⁺	馬錢
Loranthaceae	Tầm gửi	Chùm gửi		桑寄生
Lowiaceae	Lâu lan	Hùng lan		
Lycopodiaceae	Thông đất	Thạch tùng		
Lygodiaceae	Bông bong	(Không có)		
Lythraceae	Tử vi	Bằng lăng	Thiên huyết thái ⁺	千屈菜

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Magnoliaceae	Ngọc lan	Dạ hợp		木蘭
Malpighiaceae	Măng rô	Kim đồng		金尾虎
Malvaceae	Bông	Bụp		錦葵
Marantaceae	Củ dong	Huỳnh tinh		竹芋
Marattiaceae	Tòa sen	Mã liệt*		
Marsileaceae	Rau bợ	Rau dệu	Tân ⁺	
Martyniaceae	Giác hồ ma ⁺	(Không có)		角胡麻
Melastomataceae	Mua	Muôi		
Meliaceae	Xoan	Xoan		楝
Melanthaceae	Tỏi độc	(Không có)		
Menispermaceae	Tiết dề	Dây mồi	Phòng kỷ ⁺	防己
Menyanthaceae	Trang	Thủy nữ		
Molluginaceae	Rau đắng đất	(= Aizoaceae)		
Monimiaceae	Kì bạc	(Không dịch)		
Moraceae	Dâu tằm	Dâu tằm		桑
Moringaceae	Chùm ngây	Chùm ngây		辣木
Musaceae	Chuối	Chuối		芭蕉
Myoporaceae	Chợ	Bách sao		苦檻藍
Myricaceae	Dâu rượu	Dâu làm rượu	Dương mai ⁺	楊梅
Myristicaceae	Máu chó	Đậu khấu ⁺		肉豆蔻
Myrsinaceae	Đơn nem	Cơm nguội		紫金牛
Myrtaceae	Sim	Sim		桃金娘
Najadaceae	Rong trứng	Thủy kiều		茨藻
Nelumbonaceae	Sen	Sen		
Nepenthaceae	Nắp ấm	Trulung ⁺		豬籠草
Nyctaginaceae	Hoa giấy	Bông phấn		紫茉莉
Nymphaeaceae	Súng	Súng		睡蓮
Nyssaceae	Tử	Hà bá		珙桐
Ochnaceae	Mai vàng	Mai		金蓮木
Olacaceae	Dương đầu	Dương đầu		鐵青樹
Oleaceae	Nhài	Lài		木犀
Oleandraceae	Trúc xỉ	(Không có)		
Onagraceae	Rau dừa nước	Rau mương	Diệp thái ⁺	柳葉菜
Ophioglossaceae	Lưỡi rắn	Ráng Xàthiệt		
Opiliaceae	Rau sắng	Lân vĩ		山柚子
Orchidaceae	Lan	Lan		蘭
Orobanchaceae	Lệ dương⁺	Lệ dương⁺		列當
Osmundaceae	Rau vi	Ráng Ấtminh*	Cỏ vi	
Oxalidaceae	Chua me đất	Me đất		酢漿草
Paeoniaceae	Mẫu đơn	Bạch thược		
Pandaceae	Chanh ố	Chanh-ố		攀打(PÂ)
Pandanaceae	Dứa dại	Dứa gai		露兜樹
Papaveraceae	Thuốc phiện	Aphiện		罌粟
Parkeriaceae	Rau cần trôi	Gạt nai		
Passifloraceae	Lạc tiên	Nhân lồng		西番蓮
Pedaliaceae	Vừng	Mè		胡麻
Pentaphragmataceae	Rau lười bò	Ngũ cách		
Pentaphylacaceae	Ngũ liệt ⁺	Ngũ mạc		五列木
Penthoraceae	Rau rế xé	(Không có)		
Philydraceae	Đuôi lươn	Đuôi-lươn		田蔥
Phormiaceae	Hương lâu	(Không có)		
Phytolaccaceae	Thương lục⁺	Thương lục⁺		商陸
Pinaceae	Thông	Thông		松

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Piperaceae	Hồ tiêu ⁺	Tiêu		胡椒
Pittosporaceae	Khuy áo	Hắcchâu	Hải đông hoa ⁺	海桐花
Plagiogyriaceae	Cuống củ	Bìnhchu		
Plantaginaceae	Mã đề	Mã đề		車前
Platanaceae	Chò nước	(Không dịch)		懸鈴木
Plumbaginaceae	Đuôi công	Bướm	Cơ tùng	白花丹
Podocarpaceae	Kim giao	Kim giao		羅漢松
Podostemaceae	Thủy rêu	Cước thân		川苔草
Polemoniaceae	Hoa lốc	Phước		遠志
Polygalaceae	Viễn chí ⁺	Kích nhũ		遠志
Polygonaceae	Rau răm	Răm		蓼
Polypodiaceae	Ráng	Ráng Đátút	Đa khổng khuẩn ⁺	
Pontederiaceae	Bèo lục bình	Lục bình	Vũ cửu hoa ⁺ / Lục bình	雨久花
Portulacaceae	Rau sam	Sam		馬齒莧
Potamogetonaceae	Rong lá liễu	Giang thảo		眼子菜
Primulaceae	Anh thảo	Anh thảo / Báo xuân		報春花
Proteaceae	Chẹo thui	Quần hoa		山龍眼
Psilotaceae	Quyết lá thông	Lõatùng		
Pteridaceae	Cỏ seo gà	(Không có)		
Punicaceae	Lựu	Lựu		石榴
Rafflesiaceae	Địa nhãn	Địa nhãn		大花草
Ranunculaceae	Hoàng liên/ Mao lương ⁺	Mao căn ⁺		毛茛
Restionaceae	Chanh lương	Chanh lương		帚燈草
Rhamnaceae	Táo ta	Táo	Thử lý ⁺	鼠李
Rhizophoraceae	Đước	Đước	Hồng thụ ⁺	紅樹
Rhoipteleaceae	Đuôi ngựa	Roi-tê*		馬尾樹
Rosaceae	Hoa hồng	Hường	Tường vi ⁺	薔薇
Rubiaceae	Cà phê	Cà phê	Thiến thảo ⁺	茜草
Rutaceae	Cam	Cam-quít	Phương hương	芸香
Sabiaceae	Thanh phong	Mật sạ	Thanh phong đằng ⁺	清風藤
Salicaceae	Liễu	Liễu	Dương liễu ⁺	楊柳
Salvadoraceae	Chùm lé	Gaime		刺茉莉
Salviniaceae	Bèo ong	Bèo Tai-chuột		
Santalaceae	Đàn hương ⁺	Bạch đàn		檀香
Sapindaceae	Bồ hòn	Nhãn	Vô hoan ⁺	無患子
Sapotaceae	Hồng xiêm	Xabôchê	Xích thiết	山欖
Sargentodoxaceae	Huyết đằng	Hồng đằng		
Saururaceae	Lá giấp	Giấp cá	Tam bạch thảo ⁺	三白草
Saxifragaceae	Cỏ tai hổ	Thường sơn/ Tai hùm		虎耳草
Schisandraceae	Ngũ vị	Xún xe		
Schizaeaceae	Ráng ngón	Bòngbòng		
Scrophulariaceae	Hoa mõm sói	Hoa mõm chó		玄參
Selaginellaceae	Quyển bá	Quyển bá		
Simaroubaceae	Thanh thất	Khổ mộc ⁺	Khổ mộc ⁺	苦木
Smilacaceae	Kim cang	Kim cang		
Solanaceae	Cà	Cà	Cà	茄
Sonneratiaceae	Bần	Bần		海桑
Sparganiaceae	Thủy đậu	Thủy đậu		黑三稜
Sphenocleaceae	Cỏ phồng	(Không dịch)		
Stachyuraceae	Tinh tiết ⁺	Vĩgié		旌節花

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Staphyleaceae	Côi	Côi		省沽油
Stemonaceae	Bách bộ	Bách bộ		百部
Sterculiaceae	Trôm	Trôm	Ngô đồng ⁺	梧桐
Strelitziaceae	Thiên điều	Thiên điều		
Stylidiaceae	Tý lợi*	Tilíp*		花柱草
Styracaceae	Bồ đề	Antút ⁺		安息香/野茉莉
Surianaceae	Suyền biển	Suyền biển		
Symplocaceae	Dung	Dung	Hôi mộc	山礬
Taccaceae	Râu hùm	Râu-hùm		蒟蒻薯
Tamaricaceae	Liễu bách	Thùytiliêu		檉柳
Taxaceae	Thông đỏ	Thanh tùng	Kim giao	紅豆杉/紫杉
Taxodiaceae	Bụt mọc	Bụt mọc		杉
Tetragoniaceae	Dền tây	(Không có)		
Theaceae	Chè	Trà		山茶
Thelypteridaceae	Dớn	Ráng Thudục		
Theophrastaceae	Giắc canh	(Không dịch)		
Thismiaceae	(Không có)	Tiết mi*		
Thymelaeaceae	Trầm	Trầm hương		瑞香
Thyrsopteridaceae	(Không có)	Cát tu		
Tiliaceae	Đay	Cò-ke	Điền ma	椴樹
Torricelliaceae	Tô sơn*	(Không có)		
Trapaceae	Củ ấu	Ấu		菱
Trilliaceae	Bảy lá một hoa	(Không có)		
Tritschaceae	(Không có)	Tammao		
Triuridaceae	Háo rộp	Háo rộp		霉草
Tropaeolaceae	Sen cạn	Đệ liên		旱金蓮
Turneraceae	Đông hầu	Đông hầu		
Typhaceae	Cỏ nển	Bồn bồn/ Thủy hương	Hương bồ ⁺	香蒲
Ulmaceae	Du ⁺	Sếu	Du ⁺	榆
Urticaceae	Gai	Cây-ngựa		荨麻
Utriculariaceae	(Không có)	Nhĩcán		
Valerianaceae	Nữ lang	Nữ lang	Hiệt thảo	敗醬
Verbenaceae	Cỏ roi ngựa	Ngũ thảo	Mã tiên thảo ⁺	馬鞭草
Violaceae	Hoa tím	Hoa tím		堇菜
Viscaceae	Tầm gửi dẹt	(Không có)		
Vitaceae	Nho	Nho		葡萄
Vittariaceae	Dương xỉ cọ	(Không có)		
Xyridaceae	Cỏ vàng	(Không có)		黄眼草
Zamiaceae	Tuế mỹ	(Không có)		
Zingiberaceae	Gừng	Gừng		
Zosteraceae	Hải rong	(Không có)		
Zygophyllaceae	Gai chống	(Không có)	Sĩ (sic) lê ⁺	蒺藜

Trên cơ sở khảo sát, nghiên cứu bảng so sánh-đối chiếu trên đây, chúng ta có thể nêu lên vài nhận xét bước đầu, từ đó góp phần giải quyết tiếp tục một số vấn đề thiết nghĩ vẫn còn cần phải xét thêm, liên quan đến thuật ngữ khoa học tiếng Việt nói chung và tên gọi tiếng Việt cho các họ thực vật ở Việt Nam nói riêng.

Một số phương thức đã được áp dụng dịch tên họ thực vật tiếng Latinh ra tiếng Việt

Luật quốc tế về *Danh pháp thực vật* (International Code of Botanical Nomenclature) năm 1994, quy định ở điều 3, nêu rõ: “Tên họ là một tính

từ ở số nhiều, được dùng như danh từ, nó được thành lập bằng cách thêm đuôi *-aceae* vào gốc chữ của tên hợp pháp của một chi ở trong họ đó được chuyển sang sinh cách. Ví dụ: *Rosaceae* (từ *Rosa*, *Rosae*), *Salicaceae* (từ *Salix*, *Salicis*)..." (theo Võ Văn Chi, *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam*, tr. 12).

Từ cơ sở nêu trên, các nhà thực vật học ở từng nước đã tìm cách chuyển tên Latinh của các họ thực vật sang ngôn ngữ nước mình. Người Pháp có phương thức giản dị bằng cách đổi đuôi *-aceae* thành *-acées*, như *Rosaceae* thành *Rosacées* (họ Hoa hồng), *Salicaceae* thành *Salicacées* (họ Liễu), *Santalaceae* thành *Santalacées* (họ Đàn hương)...; đôi khi một họ tên Latinh muốn chuyển sang tiếng Pháp phải dùng một từ ghép để dịch, như họ *Diatomaceae* phải dịch thành *Algues diatomées*... (xem Hristo Nikolov, *Dictionary of Plant Names in Latin, German, English and French*, tr. 155). Còn ở người Anh-Mỹ, thường họ phải lấy tên một chi cơ bản trong họ rồi thêm vào phía sau chữ *Family*, như *Acanthaceae* dịch thành *Acanthus Family* (họ Ô rô), *Liliaceae* dịch thành *Lily Family* (họ Loa kèn trắng/Bạch huệ)... Ở những dân tộc khác như Trung Quốc, Việt Nam..., vấn đề dịch tên Latinh ra tiếng bản địa tỏ ra rắc rối hơn nhiều, nên thường có nhiều cách dịch, một họ có thể có đến hai, ba tên khác nhau tùy theo sự chọn lựa theo tên địa phương nào của từng tác giả. Đây là một trong những lý do chính làm phát sinh tình trạng bất nhất trong tên gọi các họ thực vật. Trước năm 1975, khi GS Phạm Hoàng Hộ nghiên cứu cây cỏ ở miền Nam Việt Nam, ông vừa là giáo sư đầu ngành vừa hầu như độc lực làm việc, nên đã nghĩ ra nhiều tên gọi cho các họ thực vật, đôi khi có vẻ tùy tiện, trong đó có không ít tên nghe khá lạ tai, nhưng xét cho cùng ông hoàn toàn có thể và có quyền làm như vậy.

Quyển *1.900 loài cây có ích ở Việt Nam* của Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật Việt Nam (do Trần Đình Lý chủ biên, Hà Nội, 1993) được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhiều công trình tiêu biểu khác nhau, nên ở mỗi họ thực vật cũng nêu được nhiều tên khác nhau hơn so với những công trình khác. Quy nạp lại, chúng ta thấy các nhà thực vật học Việt Nam đã đặt tên cho các họ thực vật theo những phương thức sau:

- Đặt theo nguyên tắc thông thường, bằng cách dịch ra từ tương đương bên tiếng Việt tên của chi hợp pháp và cơ bản vốn được ghi bằng tên khoa học gốc Latinh, hoặc tiếng Anh/Pháp, như Bưởi, Cau, Dẻ, Đào lộn hột, Đước, Gừng, Nho, Ô rô, Tơ hồng...

- Dùng nguyên văn theo từ gốc Hán, như ở các họ Á ma, Chương, Du, Dương liễu, Dương mai, Đại kích, Giác hồ ma, Hồng thụ, Long đởm, Ma hoàng, Ngọc nhị, Nhãn đông, Tát thụ, Trạch tả, Tử uy, Viễn chí, Vũ cửu hoa... Do khuynh hướng Việt hóa thuật ngữ ngày càng tăng mạnh, phương thức này hiện nay đang có vẻ ít phần thích hợp.

- Tham khảo một từ gốc Hán rồi rút ngắn bớt cho gọn lại, như Kim lư mai→Kim mai; Kim ngư tảo→Kim ngư; Mã đầu linh→Mã linh; Sử quân tử→Sử quân; Trư lung thảo→Trư lung; Vô hoạn tử→Vô hoạn; Xuyên tục đoạn→Tục đoạn...

- Tham khảo một từ gốc Hán rồi dịch ra tiếng Việt, như Cỏ tai hổ (Hổ nhĩ thảo) cho họ Saxifragaceae; Cỏ roi ngựa (Mã tiên thảo) cho họ Verbenaceae...

- Dùng một từ Hán Việt (không phải thuần Hán), như Long cốt (=Xương rồng), thay vì gọi theo gốc từ thuần Hán là “Tiên nhân chưởng”...

- Lấy ý nghĩa của một yếu tố Latinh/Hy Lạp trong họ thực vật để đặt tên, như Anisophylleaceae đặt thành Bất đẳng diệp (*anisophyllia*=tính không đều lá); Polypodiaceae đặt thành Ráng Đa túc (*poly*=đa/nhiều); Daphniphyllaceae đặt thành Đức diệp (*phyll*=diệp/lá)...

- Phiên âm thẳng từ tiếng Latinh trong trường hợp không biết gọi theo tiếng Việt bằng tên gì, như Ráng Đà hoa (=Davalliaceae); Đipentô (=Dipentodontaceae); Mã liệt (=Marattiaceae); Rết-nây (=Bretschneideraceae); Roi-tê (=Rhoipteleaceae); Tý lợi/Tilíp (=Stylidiaceae); Tiết mi (=Thismiaceae); Tô sơn (=Torricelliaceae)... Riêng họ Đipentô, trong phần liệt kê các họ ở đầu sách, tác giả Võ Văn Chi gọi như vậy, nhưng trong phần nội dung bên trong (trang 222) thì lại có dịch là họ Thập xỉ hoa; tương tự như vậy, ở bên trong tác giả cũng gọi Stylidiaceae là họ Hoa trụ thảo theo gốc Hán (thay vì Tý lợi)...

Một số điểm khác biệt trong tên gọi thực vật giữa các tác giả

Một tên họ Latinh thường được dịch sang tiếng Việt theo nhiều cách khác nhau tùy theo từng tác giả hoặc nhóm tác giả. Như họ Rosaceae có 2 tên Hoa hồng, Hường; họ Lamiaceae có 3 tên Bạc hà, Hoa môi, Húng; họ Tillaceae có đến 4 tên Đay, Nghiến, Cò ke, Điền ma... (xem *1.900 loài cây có ích ở Việt Nam*, sđd, tr. 381-387).

Khi so sánh giữa hai hệ thống tên gọi họ của khoảng 300 họ giữa VVC và gần con số ấy của PHH, chúng tôi nhận thấy chỉ có 86 trường hợp giống nhau hoàn toàn, tức chưa đầy 1/3 (như các họ Cà phê, Dẻ, Hải kiêu, Mây nước, Tơ hồng...), phần còn lại rất khác nhau hoặc đại đồng tiểu dị. Sự khác biệt với nhiều tên gọi khác nhau thường được biểu hiện với những dạng và nguyên nhân như sau:

- Chọn tên họ theo tên chi khác nhau, như họ Anacardiaceae, VVC gọi Đào lộn hột, PHH gọi Xoài; Aizoaceae VVC gọi Sam biển, PHH gọi Rau đắng đất; họ Arecaceae VVC gọi Cau, PHH gọi Dừa; họ Combretaceae VVC gọi Bàng, PHH gọi Chưnbầu; họ Convolvulaceae VVC gọi Khoai lang, PHH gọi Bìm bìm; họ Sapindaceae VVC gọi Bồ hòn, PHH gọi Nhãn...

- Gọi tên khác nhau theo địa phương, như họ Annonaceae: Na (VVC)≠Mãng cầu (PHH); họ Bromeliaceae: Dứa (VVC)≠Khóm (PHH); họ Cyperaceae: Cói (VVC)≠Lác (PHH); họ Dioscoreaceae: Củ nâu (VVC)≠Khoai ngọt (PHH); họ Theaceae: Chè (VVC)≠Trà (PHH); họ Pedaliaceae: Vừng (VVC)≠Mè (PHH)...

- Gọi khác nhau theo tên đầy đủ và tên tắt, như họ Amaranthaceae: Rau dền (VVC)≠Dền (PHH); họ Azollaceae: Bèo hoa dâu (VVC)≠Bèo dâu (PHH); họ Chloranthaceae: Hoa sói (VVC)≠Sói (PHH); họ Cycadaceae: Tuế

(VVC)≠Thiên tuế (PHH); họ Polygonaceae: Rau răm (VVC)≠Răm (PHH); họ Eriocaulaceae: Cỏ dùi trống (VVC)≠Dùi trống (PHH); họ Gnetaceae: Dây gắm (VVC)≠Gắm (PHH); họ Illiciaceae: Hồi (VVC)≠Đại hồi (PHH); họ Myricaceae: Dâu rượu (VVC)≠Dâu làm rượu (PHH); họ Trapaceae: Củ ấu (VVC)≠Ấu (PHH)...

- Gọi tên khác nhau do dùng từ thuần Việt và từ Hán Việt/gốc Hán, như họ Cactaceae: Xương rồng (VVC)≠Long cốt (PHH); họ Ceratophyllaceae: Rong đuôi chó (VVC)≠Kim ngư (PHH); họ Chenopodiaceae: Rau muối (VVC)≠Kinh giới (PHH); họ Gramineae hay Poaceae: Lúa (VVC)≠Hòa bản (PHH); họ Anacardiaceae: Đào lộn hột (VVC)≠Tất thụ (ĐVT); họ Caryophyllaceae: Cẩm chướng (VVC)≠Cẩm nhung (PHH)≠Thạch trúc (ĐVT); họ Chloranthaceae: Hoa sói (VVC)≠Kim túc lan (ĐVT); họ Sterculiaceae: Trôm (VVC-PHH)≠Ngô đồng (ĐVT)...

- Gọi tên khác nhau do chính âm, chính tả, như họ Carlemanniaceae: Cát man (VVC)≠Cạtman (PHH); họ Linaceae: Lanh (VVC)≠Lin (PHH); họ Gnetaceae: Dây gắm (VVC)≠Gắm (PHH)...

- Gọi tên khác nhau do dùng từ gốc Hán nhưng kẻ đọc trúng người đọc trật, như họ Ranunculaceae đọc Mao cấn như PHH thì đúng hơn đọc Mao lương như VVC, Vũ Văn Chuyên, Lê Khả Kế... cùng nhiều sách giáo khoa khác (kể cả *Sách Đỏ Việt Nam*, phần Thực vật); họ Isoetaceae đọc Thủy cửu như VVC đúng hơn đọc Thủy phỉ như PHH...

Mấy đề nghị cụ thể

Trên cơ sở những phân tích như trên, chúng tôi xin nêu một vài đề nghị cụ thể để có thể tham khảo thêm trong quá trình chỉnh lý, hoàn thiện thuật ngữ thực vật học tiếng Việt, nhằm tránh bớt được phần nào tình trạng sai sót hoặc còn khá lộn xộn như hiện nay, dần dà đi đến sự thống nhất trong các sách giáo khoa.

1. Trong số nhiều tên gọi tiếng Việt họ thực vật khác nhau, nên chọn một thuật ngữ duy nhất như GS Võ Văn Chi đã cố gắng làm trong công trình *Sách tra cứu tên cây cỏ Việt Nam* của mình, theo hướng Việt hóa càng nhiều càng tốt. Từ nào đã có tiếng Việt thay thế thì mạnh dạn bỏ đi những từ tương đương gốc Hán, như dùng Trôm thay cho Ngô đồng trong họ Sterculiaceae; dùng Đước thay cho Hồng thụ trong họ Rhizophoraceae; dùng Cỏ roi ngựa thay cho Mã tiên thảo trong họ Verbenaceae; dùng Nắp ấm thay cho Trư lung trong họ Nepenthaceae... Một số từ còn ở dạng phiên âm Latinh, nếu có thể, nên thay bằng từ khác, như Roi-tê thay bằng Đuôi ngựa cho họ Rhoipteleaceae; họ Osmundaceae PHH dịch là Ráng Ấtminh, VVC dịch Rau vi và có nêu chi Osmunda là Rau vi, Ráng ất minh (sdd, tr. 391), chi Osmunda này sách Trung Quốc dịch là Tử kỳ thuộc họ Tử kỳ (xem *Trung Quốc hoa kinh*, Thượng Hải văn hóa xuất bản xã, tr. 224), vậy ta cũng có thể lấy Tử kỳ để thay cho cả Rau vi và Ráng ất minh, để tạo sự nhất quán... Từ nào không tìm được chữ để dịch thì có thể mượn ở thuật ngữ thực vật gốc Hán, gốc Nhật như trước đây các vị tiền bối đã làm, như vậy đọc lên

nghe vừa thuận với thanh âm tiếng Việt hơn vừa có tính hình tượng hơn, và sẽ hợp thành một hệ thống thuật ngữ tiếng Việt nhất quán, hoàn chỉnh.

2. Không gọi tên thuật ngữ có yếu tố chữ “ta” như Mộc thông ta (họ Icacinaceae), Táo ta (họ Rhamnaceae) vì Icacinaceae hay Rhamnaceae vốn không phải là họ riêng của thực vật Việt Nam.

3. Trong hai từ tương tự thì ưu tiên chọn dùng từ nào gọn hơn, như Táo (PHH) thay cho Táo ta (VVC); Bèo dâu (PHH) thay cho Bèo hoa dâu (VVC); Sói (PHH) thay cho Hoa sói (VVC); Dùi trống (PHH) thay cho Cỏ dùi trống (VVC); Tuế (VVC) thay cho Thiên tuế (PHH); Hôi (VVC) thay cho Đại hôi (PHH)...

4. Mạnh dạn sửa lại một số tên gọi do bị phát âm sai từ gốc Hán ngay từ đầu rồi dùng riết thành quen, như Mao lương (VVC, Vũ Văn Chuyên, Lê Khả Kế, *Sách Đỏ*...) nên sửa thành Mao cấn (PHH); họ Thích sửa thành họ Túc (vì chữ 槭 gốc phải đọc “túc”; nếu không, thà gọi họ Phong còn tốt hơn); họ Lệ đương sửa thành họ Liệt đương (vì chữ Hán viết 列當); Sác tinh thảo (=Xác tinh thảo) (ĐVT) dịch cho họ Eriocaulaceae nay không còn dùng (đã thay bằng Cỏ dùi trống/Dùi trống), nhưng giả định có dùng đi nữa thì cũng phải đổi thành Cốc tinh thảo mới chính xác (do chữ “cốc” 穀 và chữ “xác” 殼 có tự dạng gần giống nhau nên bị đọc lầm). Về mấy chỗ nhầm lẫn này, tôi đã có dịp bàn kỹ trong một số báo trước (Xem “Từ cách đọc chữ Hán, bàn về một số nhầm lẫn khi đặt thuật ngữ gốc Hán”, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 4 (81). 2010).

Tháng 10 năm 2010

T V C

TÓM TẮT

Dựa trên bảng đối chiếu tên gọi Latin-Việt của 336 họ thực vật được thiết lập từ một số công trình phân loại thực vật tiêu biểu của các tác giả trong nước, tác giả bài viết nêu lên một số phương thức đã được áp dụng trong quá trình dịch tên họ thực vật từ tiếng Latinh sang tiếng Việt, đồng thời cũng đưa ra những nhận xét về một số điểm khác biệt trong quá trình chế định thuật ngữ của các nhà khoa học Việt Nam. Từ đó, tác giả nêu một số đề nghị cụ thể để tham khảo thêm trong quá trình chỉnh lý hoàn thiện thuật ngữ thực vật học tiếng Việt, nhằm tránh được phần nào tình trạng sai sót hoặc còn khá lộn xộn như hiện nay, dần dà đi đến sự nhất quán trong các sách giáo khoa, tài liệu tham khảo...

ABSTRACT

SOME REMARKS ON NAMING BOTANICAL FAMILIES IN VIETNAM

Basing on the Latin-Vietnamese comparison table of 336 botanical families in Vietnam made from typical botanical classification works by Vietnamese researchers, the author presents some methods applied during the course of translating Latin names of botanical families into Vietnamese and puts forward some remarks on some differences in naming plants by Vietnamese scientists. Then, the author offers some specific suggestions for reference during the process of revising and perfecting Vietnamese botanical nomenclature in order to create consistency in textbooks and reference books.